TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **98**/2017/HNGĐ-ST Ngày: 14-11-2017. V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp hợp đồng tín dụng"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Trần Thị Kim Tân.**

2. Ông **Trần Văn Xuân**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Phương Dung–** Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **162/2017/TLST-HNGĐ** ngày 05 tháng 4 năm 2017, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **105/**2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số **96**/2017/QĐ-HPTST ngày 27 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Bùi Thị Thanh T** - Sn: 1983. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp SC 1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

* **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn A** - Sn: 1975. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp SC 1, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:**

Ngân hàng B

Địa chỉ: Số 36 NCT, MĐ, TL, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Phó giám đốc Chi nhánh XL, Đồng Nai.

Ủy quyền lại cho anh Hồ Ngọc Nguyên C tham gia tố tụng (Văn bản ủy

quyền lập ngày 06-9-2017). *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-4-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn A cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LQ, huyện LN, tỉnh Bình Phước vào năm 1999. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh A hay uống rượu về nhà chửi, mắng và đuổi vợ con ra khỏi nhà, anh chị không sống chung với nhau từ cuối năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn anh A.

Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 20-4-2000 và Nguyễn Bích E, sinh ngày 30-8- 2012, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Hiện nay vay còn nợ Ngân hàng B – Chi nhánh huyện XL 25.000.000 đồng, anh A có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ này.

Anh Nguyễn Văn A (bị đơn) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về diễn biến cuộc hôn nhân, con chung, tài sản và nợ giữa anh và chị T. Anh chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Số tiền vay Ngân hàng B – Chi nhánh huyện XL còn nợ 25.000.000 đồng. Anh chấp nhận trả toàn bộ số nợ này.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Năm 2016, vợ chồng anh A – chị T vay Ngân hàng B – Chi nhánh huyện XL, Đồng Nai số tiền 50.000.000 đồng để chăn nuôi bò, anh chị đã trả 25.000.000đồng, số nợ còn lại 25.000.000đồng, chưa đến hạng thanh toán, nhưng vợ chồng anh A-chị T ly hôn, nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh A-chị T trả nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 13-11-2017 là 181.528 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày xét xử cho đến khi anh A trả hết nợ gốc, Ngân hàng đồng ý để 01 mình anh A trả hết số nợ này. Ngân hàng chấp nhận trả lại cho anh A Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp anh Nguyễn Văn A số BB 198061 ngày 13-4-2010, thửa 553, tờ Bản đồ số 3 xã Suối Cát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn anh A; chị T là người trực tiếp nuôi 02 người con chung, tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh A; về tài sản chung: Không giải quyết; về nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự: Anh A phải trả cho Ngân hàng B 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh A.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 17, Quyển số: 02, tháng 5-1999, của Ủy ban nhân dân xã LQ, huyện LN, tỉnh Bình Phước cấp cho anh A – chị T đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Văn A và chị Bùi Thị Thanh T là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh A hay uống rượu, chửi mắng chị, anh A trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Chứng tỏ hôn nhân của anh A – chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:*

Anh A và chị T thống nhất có 02 người con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 20-4-2000 và Nguyễn Bích E, sinh ngày 30-8-2012. Anh A và chị T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con. Xét thấy, các con của anh chị có nguyện vọng muốn sống với chị T và hiện đang sống cùng chị T, thời gian qua chị T chăm sóc đảm bảo. Do đó, giao cả 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản*: Anh A và chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ:* Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và anh A – chị T thông nhất, vợ chồng anh A – chị T còn nợ Ngân B – Chi

nhánh XL, Đồng Nai số tiền 25.000.000 đồng. Áp dụng Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật.

Đại diện Ngân hàng yêu cầu anh A – chị T trả 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 13-11-2017 là 181.528 đồng và đồng ý để anh A trả toàn bộ số nợ này. Thỏa thuận của các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên ghi nhận. Tổng số tiền anh A phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 13-11-2017 là 25.181.528 đồng, trong đó 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và 181.528 đồng lãi suất.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14-11-2017) trở đi, anh A còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh A phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng đồng ý trả lại cho anh A Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp anh Nguyễn Văn A số BB 198061 ngày 13-4-2010, thửa 553, tờ Bản đồ số 3 xã Suối Cát, nên ghi nhận.

[7] *Về án phí:*

Chị Bùi Thị Thanh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Yêu cầu của Ngân hàng B được chấp nhận nên anh A phải nộp tiền án phí sơ thẩm là: 25.181.528 đồng x 5% = 1.259.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17-8-2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016, của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn A.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 người con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 20-4-2000 và Nguyễn Bích E, sinh ngày 30-8-2012 cho chị Bùi Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị T và anh A có yêu cầu khác.

Tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn A.

Anh A được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Anh Nguyễn Văn A phải trả cho Ngân hàng B 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng tiền gốc và 181.528đ (*Một trăm tám mươi mốt triệu năm trăm hai mươi tám đồng)* tiền lãi tính đến ngày 13-11-2017.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 14-11-2017) trở đi anh A còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngân hàng phải trả lại cho anh A Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp anh Nguyễn Văn A số BB 198061 ngày 13-4-2010, thửa 553, tờ Bản đồ số 3 xã Suối Cát.

5. Về án phí:

Buộc chị Bùi Thị Thanh T nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị T nộp theo Biên lai thu tiền số: **009761** ngày **04-4-2017**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

Buộc anh Nguyễn Văn A nộp **1.259.000** *(Một triệu hai trăm năm mươi chín nghìn)* đồng tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng B – Chi nhánh huyện XL, tỉnh Đồng Nai **1.250.000** *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí, Đại diện Ngân hàng nộp theo Biên lai thu tiền số: **000235** ngày **11-9-2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án .

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;*
- *UBND xã LQ, H.LN, tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng